



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

on

ty

ja

my

ono

ona

co

oni / one

wy

dłaczego

gdzie

kto

kiedy

który

jak

naprawdę

gdyby

następnie

nie

ponieważ

ale

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

đó
vật

tất cả

hoặc

và

biết

Tôi biết

Tôi không biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

Ile to kosztuje?

Potrzebuję tego

to

lub

wszystko

tamto

Wiem

wiedzieć
-

i

przychodzić
przyjść

myśleć
pomyśleć

Nie wiem

znajdować
znaleźć

brać
wziąć

kłaść
położyć

mówić
powiedzieć

pracować
-

słuchać
posłuchać

pomagać
pomóc

lubić
polubić

dawać
dać

yêu

gọi

chờ đợi

Tôi thích bạn

Tôi không thích cái này

Bạn có yêu tôi không?

Tôi yêu bạn

0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

czekać
poczekać

telefonować
zatelefonować

kochać
pokochać

Kochasz mnie?

Nie lubię tego

Lubię cię

jeden

zero

Kocham cię

cztery

trzy

dwa

siedem

sześć

pięć

dziesięć

dziewięć

osiem

trzynaście

dwanaście

jedenaście

14

15

16

17

18

19

20

mới

cũ

ít

nhiều

bao nhiêu?
đại cương

bao nhiêu?
số

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

szesnaście

piętnaście

czternaście

dziewiętnaście

osiemnaście

siedemnaście

stary

nowy

dwadzieścia

ile?

wiele

mało

poprawny

błędny

ile?

szczęśliwy

dobry

zły

mały

długi

krótki

lớn
to

đó
địa điểm

đây

phải

trái

xinh đẹp

trẻ

già

xin chào

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

chào

bái bai

tạm biệt

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

tutaj

tam

duży

piękny

lewo

prawo

cześć

stary

młody

uważaj na siebie

ok

do zobaczenia

dobry dzień

oczywiście

nie martw się

do widzenia

pa pa

cześć

dziękuję

przepraszam

przepraszam pana/panią

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tuần

tháng

năm

thời gian

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

teraz

chcę tego

proszę

noc
noce

przedpołudnie
przedpołudnia

popołudnie
popołudnia

południe
-

wieczór
wieczory

rano
rana

minuta
minuty

godzina
godziny

północ
-

tydzień
tygodnie

dzień
dni

sekunda
sekundy

czas
czasy

rok
lata

miesiąc
miesiące

wczoraj

przedwczoraj

data
daty

hôm nay

ngày mai

ngày kia

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

trẻ em

pojutrze

jutro

dzisiaj

środa
środy

wtorek
wtorki

poniedziałek
poniedziałki

sobota
soboty

piątek
piątki

czwartek
czwartki

życie
życia

Jutro jest sobota

niedziela
niedziele

miłość
-

mężczyzna
mężczyźni

kobieta
kobiety

przyjaciół
przyjaciele

dziewczyna
dziewczyny

chłopak
chłopaki

dziecko
dzieci

seks
-

pocałunek
pocałunki

em bé

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

đứng

ngồi

nằm xuống

đóng

mở
cửa

thua

thắng

chłopiec
chłopcy

dziewczynka
dziewczynki

dziecko
dzieci

matka
matki

tata
tatowie

mama
mamy

syn
synowie

rodzice
rodzice

ojciec
ojcowie

młodszy brat
młodzi bracia

młodsza siostra
młodsze siostry

córka
córk

stać
stanąć

starszy brat
starsi bracia

starsza siostra
starsze siostry

zamykać
zamknąć

leżeć
poleżeć

siedzieć
posiedzieć

wygrywać
wygrać

przegrywać
przegrać

otwierać
otworzyć

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

câu hỏi

công ty

kinh doanh

włączać coś
włączyć

żyć
przeżyć

umierać
umrzeć

skaleczyć się
-

zabijać
zabić

wyłączać coś
wyłączyć

pić
wypić

ogłądać
obejrzeć

dotykać
dotknąć

spotykać się
spotkać się

chodzić
-

jeść
zjeść

podążać
podążyć

pocałować
-

zakładać się
założyć się

pytać
zapytać

odpowiadać
odpowiedzieć

poślubić
-

biznes
biznesy

firma
firmy

pytanie
pytania

việc làm

tiền

điện thoại

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

telefon
telefony

pieniądze
pieniądze

praca
prace

szpital
szpitale

lekarz
lekarze

biuro
biura

prezydent
prezydenci

policjant
policjanci

pielęgniarka
pielęgniarki

czerwony

czarny

biały

żółty

zielony

niebieski

zabawny

szybki

wolny

trudny

sprawiedliwy

niesprawiedliwy

dễ

Cái này khó

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

bogaty

To jest trudne

łatwy

słaby

silny

biedny

dumny

zmęczony

bezpieczny

zdrowy

chory

najedzony

wysoki

niski

gniewny

zawsze

każdy

prosty

już

jeszcze raz

faktycznie

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

Tôi muốn nhiều hơn

không có

rất

động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

więcej

najwięcej

mniej

bardzo

żaden

Chcę więcej

krowa
krowy

świnia
świnie

zwierzę
zwierzęta

owca
owce

pies
psy

koń
konie

niedźwiedź
niedźwiedzie

kot
koty

małpa
małpy

motyl
motyle

kaczka
kaczki

kurczak
kurczaki

pająk
pająki

ryba
ryby

pszczoła
pszczoły

con rắn

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

ngọt

chua

lạ

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

wewnątrz

na zewnątrz

wąż
węże

pod

blisko

daleko

przód

obok

ponad

kwaśny

słodki

tył

twardy

miękki

dziwny

zwariowany

głupi

uroczy

niski

wysoki

zajęty

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

kéo

đẩy

ấn

wyluzowany

zaskoczony

zmartwiony

sprytny

zły

grzeczny

głowa
głowy

gorący

zimny

usta
usta

włos
włosy

nos
nosy

ręka
ręce

oko
oczy

ucho
uszy

mózg
mózgi

serce
serca

stopa
stopy

nacisnąć
-

pchać
pchnąć

ciągnąć
pociągnąć

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

nghỉ ngơi

thưởng thức

dọn dẹp

walczyć

-

łapać

złapać

uderzać

uderzyć

czytać

przeczytać

biegać

pobiec

rzucać

rzucić

liczyć

policzyć

naprawiać

naprawić

pisać

napisać

kupować

kupić

sprzedawać

sprzedać

ciąć

pociąć

marzyć

wymarzyć

uczyć się

nauczyć się

płacić

zapłacić

obchodzić

obejść

grać

zagrać

spać

wyspać

sprzątać

posprzątać

cieszyć się

ucieszyć się

odpoczywać

odpocząć

trường học

nhà ở

cửa

chồng

vợ

đám cưới

người

xe hơi

nhà

thành phố

số

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

drzwi
drzwi

dom
domy

szkoła
szkoły

ślub
śluby

żona
żony

mąż
mężowie

dom
domy

samochód
samochody

osoba
osoby

dwadzieścia jeden

liczba
liczby

miasto
miasta

trzydzieści

dwadzieścia sześć

dwadzieścia dwa

trzydzieści siedem

trzydzieści trzy

trzydzieści jeden

czterdzieści cztery

czterdzieści jeden

czterdzieści

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

pięćdziesiąt jeden

pięćdziesiąt

czterdzieści osiem

sześćdziesiąt

pięćdziesiąt dziewięć

pięćdziesiąt pięć

sześćdziesiąt sześć

sześćdziesiąt dwa

sześćdziesiąt jeden

siedemdziesiąt trzy

siedemdziesiąt jeden

siedemdziesiąt

osiemdziesiąt jeden

osiemdziesiąt

siedemdziesiąt siedem

dziewięćdziesiąt

osiemdziesiąt osiem

osiemdziesiąt cztery

dziewięćdziesiąt dziewięć

dziewięćdziesiąt pięć

dziewięćdziesiąt jeden

100

1000

10.000

100.000

1.000.000

con chó của tôi

con mèo của bạn

váy của cô ấy

xe của anh ấy

quả bóng của nó

nhà của chúng tôi

đội của bạn

công ty của họ

mọi người

cùng nhau

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

dziesięć tysięcy

tysiąc

sto

mój pies

milion

sto tysięcy

jego auto

jej sukienka

twój kot

wasz zespół

nasz dom

jego / jej piłka

razem

wszyscy

ich firma

na zdrowie

nie szkodzi

inny

witamy

zgadzam się

wyluzuj

không phải lo

rễ phải

rễ trái

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trúng

phô mai

sữa

cá

thịt

rau

trái cây

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

đồ uống

nước

skręć w lewo

skręć w prawo

nie ma problemu

jajko
jajka

chodź ze mną

idź prosto

ryba
ryby

mleko
mleka

ser
sery

owoc
owoce

warzywo
warzywa

mięso
mięsa

chleb
chleby

olej
oleje

kość
kości

cukierek
cukierki

czekolada
czekolady

cukier
cukry

woda
wody

napój
napoje

ciasto
ciasta

nước soda

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

bữa trưa

bữa tối

pizza

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

herbata
herbaty

kawa
kawy

woda gazowana
wody gazowane

sałatka
sałatki

wino
wina

piwo
piwa

śniadanie
śniadania

deser
desery

zupa
zupy

pizza
pizze

kolacja
kolacje

obiad
obiady

stacja kolejowa
stacje kolejowe

pociąg
pociągi

autobus
autobusy

statek
statki

samolot
samoloty

przystanek autobusowy
przystanki autobusowe

motocykl
motocykle

rower
rowery

ciężarówka
ciężarówki

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

quần áo

giày dép

áo choàng

áo len

áo sơ mi

áo khoác

áo phộc

quần dài

đầm

áo phông

bít tất

áo ngực

quần lót

kính

túi xách

ví tiền

ví

parking
parkingi

sygnalizacja świetlna
sygnalizacje świetlne

taksówka
taksówki

but
buty

ubranie
ubrania

droga
drogi

koszula
koszule

sweter
swetry

płaszcz
płaszczce

spodnie
spodnie

garnitur
garnitury

kurtka
kurtki

skarpetka
skarpetki

koszulka
koszulki

sukienka
sukienki

okulary
okulary

slipy
slipy

biustonosz
biustonosze

portfel
portfele

portmonetka
portmonetki

torebka
torebki

nhấn

mũ

đồng hồ đeo tay

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Tôi 22 tuổi

Bạn có khoẻ không?

Bạn có ổn không?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

zegarek
zegarki

kapelusz
kapelusze

pierścioneł
pierścionki

Mam na imię David

Jak masz na imię?

kieszeń
kieszenie

Czy wszystko w porządku?

Jak się masz?

Mam 22 lata

wiosna
wiosny

Tęsknię za tobą

Gdzie jest toaleta?

zima
zimy

jesień
jesienie

lato
lata

marzec
marce

luty
lute

styczeń
stycznie

czerwiec
czerwce

maj
maje

kwiecień
kwietnie

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

mua sắm

hóa đơn

chợ

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

wrzesień
wrzeźnie

sierpień
sierpnie

lipiec
lipce

grudzień
grudnie

listopad
listopady

październik
październiki

rynek
rynki

rachunek
rachunki

zakupy
zakupy

apartament
apartamenty

budynek
budynki

supermarket
supermarkety

kościół
kościoly

gospodarstwo rolne
gospodarstwa rolne

uniwersytet
uniwersytety

siłownia
siłownie

bar
bary

restauracja
restauracje

mapa
mapy

toaleta
toalety

park
parki

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

súng

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ngôi làng

sức khỏe

dược phẩm

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

cảm lạnh

vết thương

cuộc hẹn

ho

cổ

mông

vai

pistolet
pistolety

policja
policje

ambulans
ambulanse

przedmieście
przedmieścia

kraj
kraje

straż pożarna
straże pożarne

medycyna
-

zdrowie
-

wioska
wioski

operacja
operacje

pacjent
pacjenci

wypadek
wypadki

przeziębienie
przeziębienia

gorączka
gorączki

pigułka
pigułki

kaszel
kaszle

wizyta
wizyty

rana
rany

ramię
ramiona

pośladki
pośladki

szyja
szyje

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

màu sắc

màu cam

màu xám

màu nâu

ramię
ramiona

noga
nogi

kolano
kolana

plecy
plecy

biust
biusty

brzuch
brzuchy

warga
wargi

język
języki

ząb
zęby

żołądek
żołądki

palec u nogi
palce u nogi

palec
palce

nerw
nerwy

wątroba
wątroby

płuco
płuca

kolor
kolory

jelito
jelita

nerka
nerki

brązowy

szary

pomarańczowy

màu hồng

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

độc

bằng phẳng

tròn

vuông

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bắc

đông

nam

tây

ciężki

nudny

różowy

głodny

samotny

lekki

stromy

smutny

spragniony

kwadratowy

okrągły

płaski

głęboki

szeroki

wąski

północ

ogromny

płytki

zachód

południe

wschód

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

tối

sáng

quyến rũ

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

thân thiện

tội lỗi

mù

say

ướt

khô

pełny

czysty

brudny

tani

drogi

pusty

seksowny

jasny

ciemny

hojny

odważny

leniwy

głupi

brzydki

przystojny

ślepy

winny

przyjazny

suchy

mokry

pijany

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

cichy

głośny

ciepły

łazienka
łazienki

kuchnia
kuchnie

bezgłośny

ogród
ogrody

sypialnia
sypialnie

pokój dzienny
pokoje dzienne

piwnica
piwnice

ściana
ściany

garaż
garaże

dach
dachy

schody
schody

toaleta
toalety

filiżanka
filiżanki

nóż
noże

okno
okna

kubek
kubki

talerz
talerze

szklanka
szklanki

thùng rác

tô

bộ tivi

bàn
văn phòng

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hồ bơi
vườn

chuông

hàng xóm

thất bại

chọn

bắn

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

telewizor
telewizory

miska
miski

kosz na śmieci
kosze na śmieci

lustro
lustra

łóżko
łóżka

biurko
biurka

obraz
obrazy

sofa
sofy

prysznic
prysznice

krzesło
krzesła

stół
stoły

zegar
zegary

sąsiad
sąsiedzi

dzwonek u drzwi
dzwonki u drzwi

basen
baseny

strzelać
strzelić

wybierać
wybrać

nie zdać
-

bronić
obronić

upadać
upaść

głosować
zagłosować

tấn công

trộm

đốt

cứu

hút thuốc

bay

mang theo

khắc nhủ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

đe dọa

chia sẻ

palić
zapalić

kraść
ukraść

atakować
zaatakować

latać
lecieć

palić
zapalić

ratować
uratować

kopać
kopnąć

pluć
splunąć

nieść
ponieść

wąchać
powąchać

oddychać
odetchnąć

gryźć
ugryźć

uśmiechać się
uśmiechnąć się

śpiewać
zaśpiewać

plakać
zapłakać

kurczyć się
skurczyć się

rosnąć
urosnąć

śmiać się
uśmiać się

dzielić się
podzielić się

grozić
zagrozić

kłócić się
pokłócić się

cho ăn

trốn

cảnh báo

bơi

nhảy

lăn

nâng

đào

sao chép

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

tắm vòi sen

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

sách

ostrzegać
ostrzec

ukrywać
ukryć

karmić
nakarmić

toczyć
-

skakać
skoczyć

pływać
popłynąć

kopiować
skopiować

kopać
kopnąć

podnosić
podnieść

ćwiczyć
wyćwiczyć

szukać
poszukać

dostarczać
dostarczyć

brać prysznic
wziąć prysznic

malować
namalować

podróżować
-

myć
umyć

zamykać
zamknąć

otwierać
otworzyć

książka
książki

gotować
ugotować

modlić się
pomodlić się

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

tiếng Anh

tiếng Pháp

cây bút

bút chì

3%

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

kết quả

hình vuông

hình tròn

diện tích

nguyên cứu

egzamin
egzaminy

zadanie domowe
zadania domowe

biblioteka
biblioteki

historia

nauka
nauki

lekcja
lekcje

język francuski

język angielski

sztuka

trzy procent

ołówek
ołówki

pisak
pisaki

trzeci
trzecie

drugi
drugie

pierwszy
pierwsze

kwadrat
kwadraty

wynik
wyniki

czwarty
czwarte

badania
badania

powierzchnia
powierzchnie

koło
koła

bằng cấp

cử nhân

thạc sĩ

$x < y$

$x > y$

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

magister
magistrzy

licencjat
licencjaty

stopień naukowy
stopnie naukowe

stres
stresy

x jest większy niż y

x jest mniejszy niż y

departament
departamenty

personel
-

ubezpieczenie
ubezpieczenia

list
listy

adres
adresy

wynagrodzenie
wynagrodzenia

pilot
piloci

detektyw
detektywi

kapitan
kapitanowie

prawnik
prawnicy

nauczyciel
nauczyciele

profesor
profesorowie

sędzia
sędziowie

asystent
asystenci

sekretarka
sekretarki

giám đốc

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

tập tin

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

kucharz
kucharze

menedżer
menedżerowie

dyrektor
dyrektorzy

kryminalista
kryminaliści

kierowca autobusu
kierowcy autobusów

taksówkarz
taksówkarze

numer telefonu
numery telefonu

artysta
artyści

model
modele

czat
czaty

aplikacja
aplikacje

sygnał
sygnały

adres mailowy
adresy mailowe

adres URL
adresy URL

plik
pliki

telefon komórkowy
telefony komórkowe

e-mail
e-maile

strona internetowa
strony internetowe

dowód
dowody

więzienie
więzienia

prawo
prawa

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

điện

máy ảnh

đài radio

quà tặng

cái chai

cái túi

chìa khóa

búp bê

thiên thần

sąd
sądy

świadek
świadkowie

grzywna
grzywny

zysk
zyski

strata
straty

podpis
podpisy

karta kredytowa
karty kredytowe

suma
sumy

klient
klienci

basen
baseny

bankomat
bankomaty

hasło
hasła

radio
radia

aparat fotograficzny
aparaty fotograficzne

prąd
prądy

torba
torby

butelka
butelki

prezent
prezenty

anioł
anioły

lalka
lalki

klucz
klucze

lược

kem đánh răng

bàn chải đánh răng

dầu gội

kem thoa

khăn giấy

son môi

truyền hình

rạp chiếu phim

tin tức

ghế
rạp chiếu phim

vé

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

khán giả

hội họa

trò đùa

bài báo

báo chí

tạp chí

szczoteczka do zębów
szczoteczki do zębów

pasta do zębów
pasty do zębów

grzebień
grzebień

chusteczka higieniczna
chusteczki higieniczne

krem
kremy

szampon
szampony

kino
kina

telewizja
telewizje

pomadka
pomadki

bilet
bilety

siedzenie
siedzenia

wiadomości
wiadomości

scena
sceny

muzyka
-

ekran
ekrany

żart
żarty

malarstwo
-

publiczność
-

magazyn
magazyny

gazeta
gazety

artykuł
artykuły

quảng cáo

thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

Trái Đất

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

vũ trụ

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

popiół
popioły

natura
natury

reklama
reklamy

Księżyc
Księżyce

diament
diamenty

ogień
ognie

gwiazda
gwiazdy

Słońce
Słońca

Ziemia
Ziemie

wybrzeże
wybrzeża

wszechświat
wszechświaty

planeta
planety

pustynia
pustynie

las
lasy

jezioro
jeziora

rzeka
rzeki

skała
skały

wzgórze
wzgórza

wyspa
wyspy

góra
góry

dolina
doliny

đại dương

biển

thời tiết

băng

tuyết

bão táp

mưa

gió

thực vật

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

chất khí

kim loại

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên
người

pogoda
-

morze
morza

ocean
oceany

burza
burze

śnieg
śniegi

lód
lody

roślina
rośliny

wiatr
wiatry

deszcz
deszcze

róża
róże

trawa
trawy

drzewo
drzewa

metal
metale

gaz
gazy

kwiat
kwiaty

Srebro jest tańsze niż złoto

srebro

złoto

członek
członkowie

wakacje
-

Złoto jest droższe niż srebro

khách sạn

bờ biển
cát

khách

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Lễ Phục sinh

chú

cô

bà nội

ông nội

bà ngoại

ông ngoại

tử vong

phần mộ

ly hôn

cô dâu

chú rể

101

105

110

gość
goście

plaża
plaże

hotel
hotele

Nowy Rok

Święta Bożego Narodzenia

urodziny
urodziny

ciocia
ciocie

wujek
wujkowie

Wielkanoc

babcia
babcie

dziadek
dziadkowie

babcia
babcie

grób
groby

śmierć
śmierci

dziadek
dziadkowie

pan młody
panowie młodzi

panna młoda
panny młode

rozwód
rozwoły

sto dziesięć

sto pięć

sto jeden

151

200

202

206

220

262

300

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

dwieście dwa

dwieście

sto pięćdziesiąt jeden

dwieście sześćdziesiąt dwa

dwieście dwadzieścia

dwieście sześć

trzysta siedem

trzysta trzy

trzysta

czterysta

trzysta siedemdziesiąt trzy

trzysta trzydzieści

czterysta czterdzieści

czterysta osiem

czterysta cztery

pięćset pięć

pięćset

czterysta osiemdziesiąt
cztery

pięćset dziewięćdziesiąt pięć

pięćset pięćdziesiąt

pięćset dziewięć

600

601

606

616

660

700

702

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

con hổ

sześćset sześć

sześćset jeden

sześćset

siedemset

sześćset sześćdziesiąt

sześćset szesnaście

siedemset dwadzieścia
siedem

siedemset siedem

siedemset dwa

osiemset trzy

osiemset

siedemset siedemdziesiąt

osiemset osiemdziesiąt

osiemset trzydzieści osiem

osiemset osiem

dziewięćset dziewięć

dziewięćset cztery

dziewięćset

tygrys
tygrysy

dziewięćset dziewięćdziesiąt

dziewięćset czterdzieści
dziewięć

con chuột

con chuột cống

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

con ngựa

côn trùng

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

królik
króliki

szczur
szczury

mysz
myszy

słoń
słonie

osioł
osły

lew
lwy

gołąb
gołębie

kogut
koguty

ptak
ptaki

pluskwa
pluskwy

owad
owady

gęś
gęsi

mrówka
mrówki

mucha
muchy

komar
komary

delfin
delfiny

rekin
rekiny

wieloryb
wieloryby

często

żaba
żaby

ślimak
ślimaki

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

trượt băng

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

mimo że

nagle

natychmiast

bieganie

tenis

gimnastyka

łyżwiarstwo

golf

kolarstwo

pływanie

koszykówka

piłka nożna

Wielka Brytania

wędrówki piesze

nurkowanie

Włochy

Szwajcaria

Hiszpania

Tajlandia

Niemcy

Francja

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Japonia

Rosja

Singapur

Chiny

Indie

Izrael

Kanada

Meksyk

Stany Zjednoczone Ameryki

Argentyna

Brazylia

Chile

Maroko

Nigeria

Południowa Afryka

Algieria

Kenia

Libia

Australia

Nowa Zelandia

Egipt

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bốn mươi lăm phút

1:00

2:05

3:10

4:15

5:20

6:25

7:30

8:35

9:40

10:45

11:50

12:55

một giờ sáng

hai giờ chiều

Azja

Europa

Afryka

pół godziny

kwadrans

Ameryka

pięć po drugiej

pierwsza

trzy kwadranse

dwadzieścia po piątej

kwadrans po czwartej

dziesięć po trzeciej

ósma trzydzieści pięć

wpół do ósmej

dwadzieścia pięć po szóstej

za dziesięć dwunasta

za kwadrans jedenasta

za dwadzieścia dziesiąta

druga po południu

pierwsza w nocy

za pięć pierwsza

tuần trước

tuần này

tuần sau

năm ngoái

năm nay

năm sau

tháng trước

tháng này

tháng sau

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

trán

nếp nhăn

cằm

má
cơ thể

râu

lông mi

w przyszłym tygodniu

w tym tygodniu

w zeszłym tygodniu

w przyszłym roku

w tym roku

w zeszłym roku

w przyszłym miesiącu

w tym miesiącu

w zeszłym miesiącu

dwunasty kwietnia tysiąc
dziewięćset
osiemdziesiątego ósmego
roku

dwudziesty piąty lutego dwa
tysiące trzeciego roku

pierwszy stycznia dwa
tysiące czternastego roku

dwunasty grudnia
dwutysięcznego roku

trzydziesty września tysiąc
dziewięćset siódmego roku

trzynasty października tysiąc
osiemset
dziewięćdziesiątego
dziesiątego roku

podbródek
podbródki

zmarszczka
zmarszczki

czoło
czoła

rzęsy
rzęsy

broda
brody

policzek
policzki

lông mày

eo

gáy

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

cổ tay

móng tay

gót chân

xương sống

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàn quang

tĩnh mạch

động mạch

kark
karki

talia
talie

brew
brwi

mały palec
małe palce

kciuk
kciuki

klatka piersiowa
klatki piersiowe

palec wskazujący
palce wskazujące

palec środkowy
palce środkowe

palec serdeczny
palce serdeczne

pięta
pięty

paznokieć
paznokcie

nadgarstek
nadgarstki

kość
kości

mięsień
mięśnie

kręgosłup
kręgosłupy

kręgosłup
kręgosłupy

kręgosłup
kręgosłupy

kręgosłup
kręgosłupy

tętnica
tętnice

żyła
żyły

pęcherz
pęcherze

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

mộng nước

cay

mặn

sống
tính từ

lược

nhút nhát

tham lam

ng nghiêm khắc

điếc

penis
penisy

sperma
spermy

pochwa
pochwy

ostry

soczysty

jądro
jądra

gotowany

surowy

słony

surowy

chciwy

nieśmiały

głuchy